**KẾ HOẠCH THÁNG 2**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. **Lĩnh vực phát triển thể chất** | | | | | |
| 1. **Phát triển vận động** | | | | | |
| **Mục tiêu** | **Các hình thức giáo dục** | | | | |
| **Sinh hoạt** | **Giờ học** | **HĐNT** | **Chủ đề** |
| 10. **Chuẩn 1:** Trẻ có thể kiểm soát và phối hợp vận động các nhóm cơ lớn.  15.**Chuẩn 2**: Trẻ có thể kiểm soát và phối hợp vận động các nhóm cơ nhỏ. | Trẻ thực hiện động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.  **Hô hấp:** Hít vào, thở ra (trang 54, Sách BT phát triển vận động 5-6 tuổi)  **Tay:**  -Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân.  **Lưng, bụng, lườn:**  Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái **Chân:**  nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau  **Bật:**  -Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau.  - Trẻ Thực hiện được các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay.  **Chỉ số 8.** Dán các hình vào đúng vị trí cho trước, không bị nhăn. | Đứng một chân và giữ thẳng người trong 10 giây  **Chỉ số 1.** Bật xa tối thiểu 50cm;  +Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số. | **Chỉ số 2.** Nhảy xuống từ độ cao 40 cm;  Đứng một chân và giữ thẳng người trong 10 giây  **TCDG:**   * Kéo co * Bịt mắt bắt dê * Cướp cờ   **TCVĐ:**  -Cáo và thỏ  -Mèo và chim sẻ. | Chủ đề: Nước  **TCVĐ:**  -Đua thuyền |
| 1. **Giáo dục dinh dưỡng và sức khoẻ** | | | | | |
| 18.Lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm:  26.Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống, trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe.  30.Trẻ biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh  36.Trẻ nhận biết một số thức ăn có hại cho sức khỏe | -Trẻ có hiểu biết về thực phẩm thông thường và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khoẻ.  - Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo... Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống  - Trẻ tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định.  - Trẻ sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo.  - Trẻ tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe.  - Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh | Trẻ biết được ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có gas, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.  Trẻ biết không tự ý uống thuốc.  Trẻ biết tránh một số trường hợp không an toàn:  Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi.Không treorèo ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo | - Trẻ nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ  - Trẻ đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy.  Không leo trèo cây, ban công, tường rào.  Trẻ biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng.... là những vật dụng nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn | Chủ đề: Nước  - Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống: Nhắc nhở trẻ lấy vừa đủ nước để uống và không lãng phí nước uống  - Trẻ nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì…): Không uống nước bẩn.  - Trẻ đi vệ sinh đúng nơi quy định, biết đi xong dội/giật nước cho sạch.  - Trẻ biết ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe |
| 1. **Lĩnh vực phát triển nhận thức** | | | | | |
| 1. **Khám phá khoa học** | | | | | |
| **Mục tiêu** | **Các hình thức giáo dục** | | | | |
| **Sinh hoạt** | **Giờ học** | **HĐNT** | **Chủ đề** |
| 5.Trẻ có khả năng phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau  12.Trẻ có khả năng diễn đạt sự hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình | - Trẻ biết được đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi, một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc  Thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình... | - Trẻ nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát. | -Trẻ so sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây, hoa, quả.  -Quan sát cây xanh, hoa. | Chủ đề: Nước  Trẻ nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát. |
| **2. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán:** | | | | | |
| **Chuẩn 23.** Trẻ có một số hiểu biết về số, số đếm và đo  **Chuẩn 25.** Trẻ có một số nhận biết ban đầu về thời gian  27.Trẻ biết gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm.  31.Trẻ có thể so sánh hai đối tượng qua hoạt động sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả.  37.Trẻ nhận biết vị trí trong không gian thông qua việc sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn. | -Trẻ biết gộp/tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm.  **Chỉ số 109.** Gọi tên các ngày trong tuần theo thứ tự; | **Chỉ số 105.** Tách 10 đối tượng thành 2 nhóm bằng ít nhất 2 cách và so sánh số lượng của các nhóm;  Trẻ biết ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan  - Trẻ biết đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau  Trẻ sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả. | - Trẻ biết đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau | Chủ đề: Nước  Trẻ sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả. |
| 1. **Khám phá xã hội:** | | | | | |
| 20.Trẻ có một số hiểu biết về cộng đồng qua việc nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương | -Trẻ kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội.  -Trẻ kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước. Trẻ thể hiện một số hiểu biết về môi trường xã hội (bản thân, gia đình, bạn bè, trường lớp, một số ngành nghề phổ biến và truyển thống của Quận 5, một số lễ hội (Tết Nguyên Tiêu, hội Hoa đăng Q5), một số danh lam, thắng cảnh. | Trẻ nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh. | -Trẻ kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội.  - Trẻ nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh. |  |
| 1. **Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ** | | | | | |
| 1. **Nghe, hiểu lời nói** | | | | | |
| **Mục tiêu** | **Các hình thức giáo dục** | | | | |
| **Sinh hoạt** | **Giờ học** | **HĐNT** | **Chủ đề** |
| 1. Trẻ nghe hiểu lời nói để thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể.  4. **Chuẩn 14:** Trẻ nghe hiểu lời nói | - Trẻ nghe kể chuyện, đọc thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.  **Chỉ số 62.** Nghe hiểu và thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến 2, 3 hành động;  -Trẻ nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức, truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi, các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.  -Trẻ nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. | Trẻ trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: tại sao? có gì giống nhau? có gì khác nhau? do đâu mà có?  Đặt các câu hỏi: tại sao? như thế nào? làm bằng gì | -Đồng dao: con bê; gánh gánh gồng gồng, nhớ ơn |  |
| 1. **Sử dụng lời nói trong cuộc sống** | | | | | |
| **5.Chuẩn 15:** Trẻ biết sử dụng lời nói để giao tiếp  10. Trẻ sử dụng lời nói để miêu tả được sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái… của nhân vật. | - **Chỉ số 68.** Sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân;  Trẻ đọc biểu cảm bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè và kể chuyện.  - Trẻ phát âm, kể rõ ràng có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.  -Trẻ lễ phép, chủ động và tự tin trong giao tiếp phù hợp với tình huống | -Trẻ kể chuyện theo đồ vật, theo tranh.  - Trẻ sử dụng đúng từ ngữ và câu trong giao tiếp hằng ngày. Trả lời và đặt câu hỏi, các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,… phù hợp với ngữ cảnh.  -Đặt các câu hỏi: tại sao? như thế nào? làm bằng gì?  -Trẻ kể chuyện theo đồ vật, theo tranh. | -Trẻ giao tiếp có văn hoá trong cuộc sống hàng ngày. Trả lời và đặt câu hỏi, các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,… phù hợp với ngữ cảnh.  -Trẻ khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau. | Chủ đề: Nước  Trẻ trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: tại sao? có gì giống nhau? có gì khác nhau? do đâu mà có? |
| 1. **Làm quen với đọc, viết** | | | | | |
| 16.**Chuẩn 17:** Trẻ thể hiện hứng thú đối với việc đọc.  22. Trẻ làm quen với việc đọc - viết thông qua nhận ra ký hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm,…  23. Trẻ làm quen với việc đọc - viết thông qua nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt.  24. Trẻ làm quen với việc đọc - viết thông qua tô, đồ các nét chữ, sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên của mình. | **Chỉ số 81.** Có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách.  -Trẻ tô, đồ các nét chữ, sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên của mình.  Trẻ “Đọc” truyện qua các tranh vẽ.  Trẻ làm quen với việc đọc - viết thông qua nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt.  Trẻ làm quen với việc đọc - viết thông qua tô, đồ các nét chữ, sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên của mình. | -Trẻ nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt  Trẻ làm quen với việc đọc - viết thông qua tô, đồ các nét chữ, sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên của mình.  -Trẻ tô, đồ các nét chữ, sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên của mình.  Trẻ làm quen với việc đọc - viết thông qua nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt. | Trẻ làm quen với việc đọc - viết thông qua nhận ra ký hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm,…  Trẻ làm quen với việc đọc - viết thông qua tô, đồ các nét chữ, sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên của mình. |  |
| 1. **Lĩnh vực phát triển tình cảm - xã hội** | | | | | |
| 1. **Phát triển tình cảm** | | | | | |
| **Mục tiêu** | **Các hình thức giáo dục** | | | | |
| **Sinh hoạt** | **Giờ học** | **HĐNT** | **Chủ đề** |
| 10. **Chuẩn 8**. Trẻ tin tưởng vào khả năng của bản thân.  13. Trẻ có khả năng nhận biết hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ. | **Chỉ số 32.** Thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc;  **Chỉ số 33.** Chủ động làm một số công việc đơn giản hằng ngày;  -Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức  -Trẻ thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...)  -Trẻ nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc. | - Trẻ nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật và hiện tượng xung quanh. | Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ cô giáo những việc vừa sức  Trẻ chủ động và độc lập trong một số hoạt động, cố gắng tự hoàn thành công việc được giao.  Trẻ biết an ủi và chia vui buồn với người thân và bạn bè | Chủ đề: Nước  Trẻ nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật và hiện tượng xung quanh. |
| 1. **Phát triển kĩ năng xã hội** | | | | | |
| 20. Trẻ biết giao tiếp lễ phép  26. **Chuẩn 13**. Trẻ thể hiện sự tôn trọng người khác.  27**.** Trẻ quan tâm đến môi trường thông qua hành vi bỏ rác đúng nơi quy định. | -Trẻ có hành vi và quy tắc ứng xử xã hội.  **Chỉ số 58.** Nói được khả năng và sở thích của bạn bè và người thân;  -Trẻ biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).  -Trẻ biết quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn, biết nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu. | -Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định, biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...)  Trẻ lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự, biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn | -Chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.  Chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác  -Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định, biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...) | Chủ đề: Nước  Trẻ biết quan tâm đến môi trường, biết tiết kiệm điện, nước, không để thừa thức ăn  - Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Không lãng phí nước |
| 1. **Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ** | | | | | |
| **Mục tiêu** | **Các hình thức giáo dục** | | | | |
| **Sinh hoạt** | **Giờ học** | **HĐNT** | **Chủ đề** |
| **Chuẩn 22**. Trẻ thể hiện một số hiểu biết về âm nhạc và tạo hình  9. Trẻ thể hiện sự sáng tạo khi gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.  14. Trẻ biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu khác nhau để tạo ra sản phẩm. | - Trẻ chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.  - Trẻ nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/đường nét và bố cục. | **Chỉ số 103.** Nói được ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình của mình.  -Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát, qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...  -Trẻ có kỹ năng nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển).  Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích | -Trẻ cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật. | Chủ đề: Nước  Trẻ biết lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu, phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục: tạo hình từ màu nước  -Trẻ nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc: Các bài hát về nước, về mưa |